

P, ngày 19 tháng 5 năm 2023

Số: 04/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Ông Chu Văn Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 164, đường ML, phường TC, TP VT, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1988;

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc Q – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2. Ủy ban nhân dân xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đức H – Công chức địa chính xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

3. Bà Trần Thị S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

4. Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Nguyễn Thị Phương TT, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị TT:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**[2.1]** Ông H, bà S, chị T, chị TT, chị L, anh Đ xác định: ông H, bà S, chị T, chị TT, chị L thống nhất tặng cho vợ chồng anh Đ, chị L thửa đất số 87, tờ bản đồ số 12, diện tích 9118,9m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), thời hạn sử dụng đất: năm 2043, địa chỉ: khu 4, TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 62m<sup>2</sup> (do

ông H và bà S xây dựng năm 2003); 01 nhà bếp cấp 4 diện tích 24,7m<sup>2</sup> (do vợ chồng ông H và bà S xây dựng năm 2003) và một vài tài sản không có giá trị khác trên thửa đất số 87. Thửa đất này đã được UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Nguyễn Thị Phương L ngày 05/8/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01408. Ông H, bà S, chị T, chị TT, chị L, anh Đ đồng ý với việc UBND huyện P cấp giấy CNQSD đất cho anh Đ, chị L đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 12 như trên và không có khiếu nại, khiếu kiện gì đối với việc UBND huyện P cấp GCNQSD đất của thửa đất số 87, tờ bản đồ số 12 cho chị L, anh Đ.

Chị Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Hoàng Đ và ông Nguyễn Quốc H thống nhất thỏa thuận: chị L và anh Đ tặng cho lại ông Nguyễn Quốc H một phần diện tích đất là 2344m<sup>2</sup> phần diện tích đất này thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 12, diện tích 9118,9m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), thời hạn sử dụng đất: năm 2043, địa chỉ: khu 4, xã TT, huyện P, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Nguyễn Thị Phương L ngày 05/8/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01408 và các tài sản trên diện tích đất tặng cho 2344m<sup>2</sup> gồm: 01 nhà cấp xây dựng năm 2003 có diện tích 62m<sup>2</sup> (do ông H và bà S xây dựng năm 2003); 01 nhà bếp cấp 4 diện tích 24,7m<sup>2</sup> (do vợ chồng ông H và bà S xây dựng năm 2003 và một vài tài sản không có giá trị khác nằm trong diện tích đất 2344m<sup>2</sup> này. Phần diện tích đất này có vị trí, hình thể, kích thước được thể hiện theo chỉ giới 1,2,3,4,5.....18 theo sơ đồ hiện trạng thửa đất được đo vẽ bởi Công ty cổ phần xây dựng Đại Bảo Phát ngày 21/3/2023 (*bản vẽ kèm theo quyết định này*).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật ông H có nghĩa vụ L hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy CNQSD đất theo quy định và phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định tại thời điểm được cấp giấy CNQSD đất. Chị L, anh Đ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho ông H.

**[2.2]** Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H tự nguyện xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001626 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Trả lại cho ông Nguyễn Quốc H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

- Về chi phí thẩm định: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án không ghi chi phí thẩm định trong Quyết định.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu HS-VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Tùng**

